

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 25-6-2020.

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quốc Tiết.

Ông Võ Văn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng Đ, sinh năm 1995, địa chỉ: ấp 5, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Quốc C, sinh năm 1989, địa chỉ: ấp Th, xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Trần Thị Hồng Đ là nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Bà Đ và ông C kết hôn với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tân Hưng. Bà Đ và ông C chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà Đ và ông C không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, ông C bỏ bê việc làm, không quan tâm đến vợ con, không phụ bà Đ nuôi con, không chăm sóc bà Đ lúc sinh con. Bà Đ và ông C không còn sống chung với nhau từ tháng 6 năm 2018 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà Đ quyết định ly hôn với ông Trần Quốc C.

Về con chung: Bà Đ và ông C có 01 con chung tên Trần Quốc B, sinh ngày 02/7/2018, hiện nay con chung đang sống chung với bà Đ. Nếu được ly hôn, bà Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, bà Đ không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ và ông C không có tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn là ông Trần Quốc C đã được Toà án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trần Thị Hồng Đ và ông Trần Quốc C kết hôn với nhau vào năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tân Hưng. Nay bà Trần Thị Hồng Đ yêu cầu ly hôn với ông Trần Quốc C, căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Ông Trần Quốc C vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với ông Trần Quốc C.

[3] Bà Trần Thị Hồng Đ và ông Trần Quốc C chung sống hạnh phúc được hơn 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà Đ và ông C không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, ông C không quan tâm đến vợ con. Các đương sự không hòa giải được mâu thuẫn làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Bà Đ và ông C không còn sống chung với nhau từ tháng 6 năm 2018 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự là trầm trọng, đời sống chung của các đương sự không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ, cho bà Đ ly hôn với ông C.

[4] Về con chung: Bà Đ và ông C có 01 con chung tên Trần Quốc B, sinh ngày 02/7/2018, hiện nay con chung đang sống chung với bà Đ. Bà Đ yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung, bà Đ không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Ông Trần Quốc C không có ý kiến gì về việc nuôi con, con chung tên Trần Quốc B chưa đủ 36 tháng tuổi. Yêu cầu của bà Đ phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu của bà Đ, giao cho bà Đ trực tiếp nuôi con chung tên Trần Quốc B, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Bà Trần Thị Hồng Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, ông Trần Quốc C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Hồng Đ, cho bà Trần Thị Hồng Đ ly hôn với ông Trần Quốc C.

2. Về nuôi con chung: Bà Trần Thị Hồng Đ và ông Trần Quốc C có 01 con chung tên Trần Quốc B, sinh ngày 02/7/2018, hiện nay con chung đang sống chung với bà Trần Thị Hồng Đ. Khi ly hôn, giao cho bà Trần Thị Hồng Đ trực tiếp nuôi con chung tên Trần Quốc B, ông Trần Quốc C không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Trần Quốc C được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Hồng Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị Hồng Đ đã nộp theo biên lai thu số 0000316, ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ông Trần Quốc C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bà Trần Thị Hồng Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Trần Quốc C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án DS huyện Châu Thành;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Tùng